

Tăng tỷ trọng

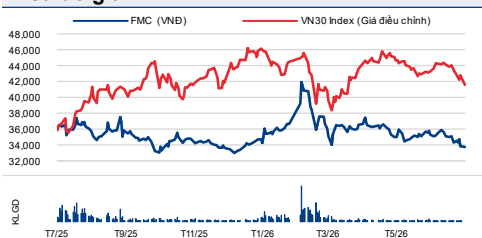
Giá mục tiêu: VNĐ42,000

Tiềm năng tăng/giảm: 24.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/7/2026)	33,750
Mã Bloomberg	FMC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,997-42,005
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	33,817
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,207
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	83.9
Slg CP lưu hành (tr.đv)	65.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	32.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	12.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.9%
Tỷ lệ freefloat	25.0%
Cổ đông lớn	CT CP tập đoàn PAN (37.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	8,185	8,599	9,210
EBITDA đc (tỷ đồng)	503	464	502
LNTT (tỷ đồng)	410	417	445
LNT ĐC (tỷ đồng)	347	374	399
FCF (tỷ đồng)	461	72.2	283
EPS ĐC (đồng)	5,307	5,718	6,097
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	35,673	38,820	42,917
T.trưởng EBITDA (%)	(7.90)	(7.79)	8.12
T.trưởng EPS ĐC (%)	14.2	7.74	6.64
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	6.15	5.40	5.45
Tỷ suất LNTT (%)	5.01	4.85	4.83
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.24	4.35	4.33
Tỷ lệ LN trả CT (%)	37.7	35.0	32.8
Nợ thuần/VCSH (%)	16.1	21.1	16.0
ROAE (%)	15.4	15.4	14.9
ROACE (%)	12.6	11.9	11.5
EV/doanh thu (lần)	0.31	0.32	0.29
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.12	5.89	5.27
P/E ĐC (lần)	6.36	5.90	5.54
P/B (lần)	0.95	0.87	0.79
Lợi suất cổ tức (%)	5.93	5.93	5.93

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FMC là doanh nghiệp xuất khẩu tôm lớn thứ 3 Việt Nam, tập trung vào phân khúc hàng chất lượng cao và chế biến sâu.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2026: Lợi nhuận thuần tăng 92,5% so với cùng kỳ; vượt xa dự báo

- Lợi nhuận thuần Q2/2026 của FMC đạt 155 tỷ đồng, tăng 93% so với cùng kỳ và vượt xa dự báo 55 tỷ đồng của HSC, mặc dù doanh thu thuần giảm 9,5% so với cùng kỳ xuống 1.675 tỷ đồng. Lợi nhuận tăng mạnh chủ yếu nhờ thu hoạch tôm tự nuôi có giá vốn thấp.
- Lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 đạt 196 tỷ đồng, tăng 78% so với cùng kỳ mặc dù doanh thu thuần giảm 20% so với cùng kỳ xuống 3.073 tỷ đồng, bằng lần lượt 52,3% và 35,7% dự báo lợi nhuận thuần và doanh thu thuần cả năm của HSC.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm lần lượt 4% và 8% trong 1 tháng và 3 tháng qua, FMC đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 5,1 lần, thấp hơn 2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 8,8 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

Lợi nhuận thuần Q2/2026 của FMC đạt 155 tỷ đồng, tăng 92,5% so với cùng kỳ và vượt 55% dự báo của HSC. Lợi nhuận tăng mạnh chủ yếu nhờ chi phí nguyên liệu giảm do FMC đã hoàn tất vụ thu hoạch tôm, qua đó giúp giá vốn hàng bán trong quý giảm. Trong khi đó, doanh thu thuần Q2/2026 vẫn yếu, giảm 9,5% so với cùng kỳ xuống 1.675 tỷ đồng và thấp hơn 32% so với dự báo của HSC.

Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần giảm 20% so với cùng kỳ xuống 3.073 tỷ đồng, chủ yếu do xuất khẩu sang Mỹ giảm; trong khi đó, lợi nhuận thuần tăng 77,8% so với cùng kỳ đạt 196 tỷ đồng, phần lớn nhờ chi phí nguyên liệu giảm. Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm thấp hơn 20% so với dự báo của HSC, trong khi lợi nhuận thuần vượt 16,3% so với dự báo. Nhìn chung, KQKD của FMC bằng lần lượt 35,7% và 52,3% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cả năm của HSC.

Doanh thu thuần giảm 9,5% so với cùng kỳ do thị trường Mỹ suy yếu

Trong Q2/2026, doanh thu tôm giảm 11,4% so với cùng kỳ xuống 1.637 tỷ đồng, chiếm 98% tổng doanh thu. Mức giảm này chủ yếu do sản lượng xuất khẩu giảm 8,5% và giá bán bình quân giảm 3,2% so với cùng kỳ. Kết quả suy yếu phần lớn do FMC chủ động giảm xuất khẩu sang Mỹ; giá trị xuất khẩu sang thị trường này giảm 37% so với cùng kỳ xuống khoảng 17 triệu USD sau khi thuế chống bán phá giá (CBPG) sơ bộ cho đợt rà soát lần thứ 20 tăng từ mức 4,58% lên 10,76%. Bên cạnh đó, rủi ro liên quan đến thuế quan tại thị trường

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026, FMC

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Doanh thu thuần	1,849	1,675	-9.5%	3,840	3,073	-20.0%	35.7%
Giá vốn hàng bán	(1,679)	(1,424)	-15.2%	(3,542)	(2,722)	-23.2%	
Lợi nhuận gộp	170	250	47.0%	298	351	17.9%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	9.2%	15.0%		7.8%	11.4%		
Lợi nhuận tài chính	34	45	34.3%	49	60	22.8%	
Chi phí BH&QL	(103)	(123)	18.9%	(211)	(188)	-10.6%	
Chi phí BH&QL/ doanh thu (%)	5.6%	7.3%		5.5%	6.1%		
Lợi nhuận HĐ	101	173	71.6%	136	223	63.8%	
Thu nhập thuần khác	(0)	1	N/m	1	2	178.9%	
LNTT	101	174	73.0%	137	225	64.6%	
Lợi nhuận thuần	80	155	92.5%	110	196	77.8%	52.3%

Nguồn: FMC

Mỹ vẫn ở mức cao, bao gồm mức thuế 10% theo Điều 122 áp dụng đến cuối tháng 7, khả năng điều tra theo Điều 301 và khả năng mở rộng điều tra thuế chống trợ cấp. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu sang EU tăng mạnh 59% so với cùng kỳ, giúp bù đắp một phần mức giảm tại thị trường Mỹ.

Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu tôm đạt 3.005 tỷ đồng, giảm 21,2% so với cùng kỳ, do giá bán bình quân giảm 17,9% và sản lượng xuất khẩu giảm 4% so với cùng kỳ.

Cơ cấu doanh thu dịch chuyển đáng kể khỏi thị trường Mỹ khi tỷ trọng thị trường này trong tổng doanh thu tôm giảm từ 40,6% trong 6 tháng đầu năm 2025 xuống 20,8%. Ngược lại, tỷ trọng của thị trường Nhật Bản và EU lần lượt tăng lên 43,2% (so với 32,7%) và 13,7% (so với 6,7%).

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng mạnh nhờ thu hoạch tôm tự nuôi

Trong Q2/2026, lợi nhuận gộp tăng mạnh 47% so với cùng kỳ đạt 250 tỷ đồng, theo đó tỷ suất lợi nhuận gộp trong Q2/2025 tăng từ 9,2% lên 15%. Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng tôm cũng cải thiện đáng kể lên 14,1%, so với 9,8% cùng kỳ năm trước. Tỷ suất lợi nhuận tăng chủ yếu nhờ FMC thu hoạch tôm tự nuôi, hoàn tất trong tháng 6 và phần lớn được ghi nhận trong Q2/2026. Tùy thuộc vào điều kiện thị trường mà tôm tự nuôi thường có chi phí sản xuất thấp hơn khoảng 10-20% so với tôm mua ngoài. Ngoài ra, khác với những năm trước khi vụ thu hoạch kéo dài sang tháng 7 khiến một phần lợi nhuận được ghi nhận sang Q3, vụ thu hoạch năm nay phần lớn hoàn tất trong tháng 6, giúp FMC ghi nhận phần lớn lợi nhuận trong Q2/2026.

Trong nửa đầu năm 2026, tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 11,4%, so với 7,8% trong nửa đầu năm 2025.

Chi phí quản lý & bán hàng tăng 18,9%, chủ yếu do chi phí thuế CBPG tăng

Trong Q2/2026, chi phí bán hàng tăng 53% so với cùng kỳ lên 98 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí thuế CBPG tăng. Trong quý, FMC ghi nhận 54 tỷ đồng chi phí thuế CBPG dựa trên mức thuế CBPG sơ bộ 10,76% cho đợt rà soát lần thứ 20, trong khi Công ty không ghi nhận chi phí thuế CBPG trong Q1/2026. Theo đó, chi phí thuế CBPG tăng gấp 2,3 lần so với cùng kỳ. Trong khi đó, chi phí thuế chống trợ cấp và thuế đối ứng lần lượt giảm 73% và 76% so với cùng kỳ, chủ yếu do xuất khẩu sang Mỹ giảm 37%.

Ngược lại, chi phí quản lý giảm 7,3% so với cùng kỳ, nhìn chung tương ứng với mức giảm 9,5% của doanh thu. Theo đó, chi phí quản lý & bán hàng tăng 18,9% so với cùng kỳ lên 123 tỷ đồng dù doanh thu suy yếu, khiến tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu tăng từ 5,6% trong Q2/2025 lên 7,3%.

Trong nửa đầu năm 2026, chi phí quản lý & bán hàng giảm 10,6% so với cùng kỳ xuống 188 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí bán hàng giảm 33,5%. Trong chi phí bán hàng, chi phí thuế CBPG tăng 34,4% so với cùng kỳ lên 54 tỷ đồng, phản ánh mức thuế CBPG sơ bộ cho đợt rà soát lần thứ 20 tăng lên 10,76% so với 10,18% trong nửa đầu năm 2025. Mức tăng này được bù trừ một phần nhờ chi phí vận chuyển giảm 39,5% so với cùng kỳ xuống 40 tỷ đồng; trong khi chi phí thuế chống trợ cấp và thuế đối ứng lần lượt giảm mạnh 92,9% và 68,2% xuống 1,2 tỷ đồng và 8,6 tỷ đồng do xuất khẩu sang Mỹ giảm. Theo đó, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu tăng từ 5,5% trong nửa đầu năm 2025 lên 6,1% trong nửa đầu năm 2026.

Xem xét lại khuyến nghị

Sau khi giá cổ phiếu giảm lần lượt 4% và 8% trong 1 tháng và 3 tháng qua, trong bối cảnh thị trường chung suy yếu, FMC đang giao dịch ở mức giá rẻ với P/E dự phóng 12 tháng tới là 5,1 lần, thấp hơn 2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 8,8 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	6,913	8,185	8,599	9,210	9,864
Lợi nhuận gộp	752	973	1,013	1,083	1,156
Chi phí BH&QL	(388)	(650)	(688)	(737)	(789)
Thu nhập khác	(0.31)	1.42	0	0	0
Chi phí khác	(0.29)	(1.65)	0	0	0
EBIT	363	323	325	346	367
Lãi vay thuần	58.9	87.2	92.2	98.9	106
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	422	410	417	445	473
Chi phí thuế TNDN	(0.81)	(25.0)	(2.99)	(3.15)	(4.16)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(117)	(37.7)	(40.4)	(43.1)	(45.7)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	304	347	374	399	423
Lợi nhuận thuần ĐC	304	347	374	399	423
EBITDA ĐC	546	503	464	502	541
EPS (đồng)	4,646	5,307	5,718	6,097	6,467
EPS ĐC (đồng)	4,646	5,307	5,718	6,097	6,467
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	1,077	1,159	704	793	1,203
Đầu tư ngắn hạn	140	1,056	1,267	1,521	1,521
Phải thu khách hàng	370	559	627	598	678
Hàng tồn kho	1,002	885	929	1,109	1,107
Các tài sản ngắn hạn khác	51.3	147	121	121	149
Tổng tài sản ngắn hạn	2,641	3,806	3,648	4,142	4,657
TSCĐ hữu hình	855	722	613	487	343
TSCĐ vô hình	3.69	3.83	3.78	3.72	3.67
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	275	303	381	372	400
Tổng tài sản dài hạn	1,134	1,029	998	863	746
Tổng cộng tài sản	3,775	4,835	4,646	5,004	5,403
Nợ ngắn hạn	902	1,528	1,228	1,228	1,228
Phải trả người bán	118	113	148	148	155
Nợ ngắn hạn khác	258	544	394	459	533
Tổng nợ ngắn hạn	1,297	2,209	1,793	1,861	1,943
Nợ dài hạn	0.89	0.88	1.26	1.35	1.45
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0.89	0.88	1.26	1.35	1.45
Tổng nợ phải trả	1,309	2,221	1,811	1,881	1,965
Vốn chủ sở hữu	2,168	2,333	2,538	2,806	3,098
Lợi ích cổ đông thiểu số	298	282	296	317	340
Tổng vốn chủ sở hữu	2,466	2,615	2,835	3,124	3,438
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,775	4,835	4,646	5,004	5,403
BVPS (đ)	33,151	35,673	38,820	42,917	47,384
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(175)	369	525	436	25.8

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	363	323	325	346	367
Khấu hao	(184)	(181)	(139)	(156)	(174)
Lãi vay thuần	58.9	87.2	92.2	98.9	106
Thuế TNDN đã nộp	(0.81)	(25.0)	(2.99)	(3.15)	(4.16)
Thay đổi vốn lưu động	80.7	57.3	(251)	(72.0)	1.22
Khác	(48.1)	(73.3)	(182)	(188)	(194)
LCT thuần từ HKKD	601	513	102	313	417
Đầu tư TS dài hạn	(114)	(52.2)	(29.8)	(29.8)	(29.8)
Góp vốn & đầu tư	(352)	(1,113)	(211)	(253)	0
Thanh lý	0.20	1.99	0	0	0
Khác	554	251	161	173	185
LCT thuần từ HĐĐT	87.7	(913)	(79.8)	(111)	155
Cổ tức trả cho CSH	(151)	(165)	(131)	(131)	(131)
Thu từ phát hành CP	111	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	79.1	626	(347)	18.5	(31.7)
Khác	(111)	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(72.0)	461	(478)	(112)	(162)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,077	1,159	704	793	1,203
LCT thuần trong kỳ	617	62.2	(455)	89.6	410
Ảnh hưởng của tỷ giá	8.70	19.5	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,703	1,241	248	883	1,613
Dòng tiền tự do	487	461	72.2	283	388

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	10.9	11.9	11.8	11.8	11.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.90	6.15	5.40	5.45	5.48
Tỷ suất LNT (%)	4.39	4.24	4.35	4.33	4.29
Thuế TNDN hiện hành (%)	0.19	6.11	0.72	0.71	0.88
Tăng trưởng doanh thu (%)	35.9	18.4	5.06	7.10	7.10
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	22.1	(7.90)	(7.79)	8.12	7.80
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	10.0	14.2	7.74	6.64	6.06
Tăng trưởng EPS (%)	10.0	14.2	7.74	6.64	6.06
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	10.0	14.2	7.74	6.64	6.06
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	43.0	37.7	35.0	32.8	30.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.5	15.4	15.4	14.9	14.3
ROACE (%)	15.4	12.6	11.9	11.5	11.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.94	1.90	1.81	1.91	1.90
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.66	1.59	0.31	0.90	1.14
Số ngày tồn kho	59.4	44.8	44.7	49.8	46.4
Số ngày phải thu	21.9	28.3	30.1	26.9	28.4
Số ngày phải trả	7.00	5.73	7.14	6.64	6.50
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(7.37)	16.1	21.1	16.0	1.20
Nợ/tài sản (%)	24.3	31.8	26.7	24.8	23.0
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.68	3.05	2.67	2.48	2.29
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.04	1.72	2.04	2.23	2.40
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.29	0.31	0.32	0.29	0.23
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.72	5.12	5.89	5.27	4.13
P/E (lần)	7.26	6.36	5.90	5.54	5.22
P/E ĐC (lần)	7.26	6.36	5.90	5.54	5.22
P/B (lần)	1.02	0.95	0.87	0.79	0.71
Lợi suất cổ tức (%)	5.93	5.93	5.93	5.93	5.93

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn